

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2021/QĐST-VDS

M'Đrắk, ngày 23 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người phải thi
hành án trong khối tài sản chung**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Phi Long

Thư ký phiên họp: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên họp: Ông Y Gon Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 15/2020/TLST-VDS ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc "*Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung*" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 04/2021/QĐST-VDS ngày 12 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên họp số 11/2021/QĐST-VDS, ngày 28 tháng 01 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Văn Thị T – Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn 18, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

+ Ông Lê Quý H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn 18, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Long H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 10/17 đường số 7, phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên họp).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hương: Bà Lê Thị Thanh M, sinh năm 1993. Địa chỉ: Xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

+ Ông Bùi Văn M, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn 19, xã E, huyện M, tỉnh

Đắk Lắk. (Vắng mặt).

+ Bà Ngô Thị X, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn 19, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn từ chối tham gia tố tụng và đề nghị giải quyết vắng mặt).

+ Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn 18, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn từ chối tham gia tố tụng và đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và quá trình tố tụng, bà Văn Thị Tý – Chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk trình bày:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 35/2016/QĐST-DS ngày 20/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Quyết định thi hành án số 170/QĐ-CCTHADS ngày 04/01/2017 và số 187/QĐ-CCTHADS ngày 16/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk thì bà Đỗ Thị Th phải trả cho bà Nguyễn Thị Long H số tiền 2.040.000.000 đồng (*Hai tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng*) và tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả và phải chịu 18.200.000 đồng (*Mười tám triệu hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Qua kết quả xác minh điều kiện thi hành án của Chấp hành viên tại Ủy ban nhân dân xã E và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện M thì bà Đỗ Thị Th không có tài sản riêng tại địa phương. Bà Đỗ Thị Th và ông Lê Quý H (chồng bà Th) có đứng tên kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các tài sản gồm:

Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 112 tại thôn 18, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 217,6m², đất ở nông thôn (trên đất có 01 nhà tạm cấp 4 và các tài sản khác).

Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 61 tại thôn 16, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 41.771,5m², đất trồng rừng sản xuất (trên đất có cây keo do ông Bùi Văn M trồng).

Các thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông H, bà Th đã làm thủ tục kê khai, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã E và tại Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1822/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện M thì thửa đất trên đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà Th.

Ngày 25/12/2017, Chấp hành viên ban hành thông báo số 72/TB-CCTHADS cho người phải thi hành hành án: bà Đỗ Thị Th, ông Lê Quý H và người được thi hành án: bà Nguyễn Thị Long H về việc xác định phần tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng, đồng thời thông báo về quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản của bà Đỗ Thị Th trong khối tài sản chung theo khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Ông Lê Quý H không đồng ý với việc xác định tài sản theo thông báo số 72 ngày 25/12/2017 của Chấp hành viên nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án xác định thửa đất số 18, tờ bản đồ số 112 tại thôn 18, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk và tài sản trên đất là tài sản riêng của ông Hải có trước khi kết hôn với bà Th; Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 61 tại thôn 16, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk ông H, bà Th đã chuyển nhượng cho ông Bùi Văn M theo giấy viết tay ngày 11/8/2013.

Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý, giải quyết bằng Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DSST ngày 11/10/2018. Đến ngày 22/01/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy bản án dân sự sơ thẩm nói trên đề Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 03/6/2019, Tòa án nhân dân huyện M thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông Lê Quý H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Lê Quý H vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Do chưa xác định được quyền sở hữu, sử dụng tài sản của bà Đỗ Thị Th trong khối tài sản chung để thi hành và các đương sự không yêu cầu Tòa án xác định nên Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện M yêu cầu Tòa án xác định phân quyền sở hữu tài sản của bà Đỗ Thị Th trong khối tài sản chung với ông Lê Quý H nêu trên.

** Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn M, bà Ngô Thị X trình bày:* Ngày 11/8/2013, vợ chồng ông M bà X nhận chuyển nhượng của ông H, bà Th một lô đất trồng rừng sản xuất và tài sản trên đất thuộc thửa số 28, tờ bản đồ 61 tại thôn 16, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk với giá 200.000.000 đồng. Ông M là người đại diện ký giấy chuyển nhượng với vợ chồng ông H, bà Th. Do tại thời điểm chuyển nhượng, ông H, bà Th chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên các bên chỉ viết giấy tay và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã E, huyện M mà chưa làm thủ tục chuyển nhượng. Ông H, bà Th cam kết sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ sang tên cho ông M, bà X. Ông M, bà X đã trả xong tiền chuyển nhượng và sử dụng đất để trồng keo cho đến nay và không xảy ra tranh chấp với ai.

** Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Long H trình bày:* Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 35/2016/QĐST-DS ngày 20/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk thì bà Đỗ Thị Th phải trả cho bà Nguyễn Thị Long H số tiền 2.040.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả. Nay chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện M yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bà Th để thi hành án, bà Hương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T trình bày:* Bà Thúy là chị bà Đỗ Thị Th. Vợ chồng ông H, bà Th có nợ bà T một khoản tiền từ năm 2012, nên khi ông H, bà Th làm ăn, sinh sống ở nơi khác đã

giao lại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 112 tại thôn 18, xã E, huyện M và nhà tạm cấp 4 cho bà T trông coi và sử dụng để ở và làm nơi sản xuất, kinh doanh. Bà T chỉ trông coi tài sản cho ông H, bà Th chứ không có quyền lợi gì liên quan đến thửa đất và cũng không có tranh chấp gì đối với các tài sản mà Tòa án đang xem xét, giải quyết.

* Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quý H và bà Đỗ Thị Th vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H, bà Th vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 61 tại thôn 16, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc do khai hoang, nhưng vợ chồng ông H, bà Th đã chuyển nhượng cho ông Bùi Văn M từ năm 2013. Các bên đã thực hiện xong quyền và nghĩa vụ. Vì vậy, không có cơ sở để xác định là tài sản riêng hay tài sản chung của vợ chồng ông H, bà Th để thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Ông M có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 112 tại thôn 18, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk và các tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông H, bà Th. Dựa vào nguồn gốc và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của vợ chồng ông H, bà Th. Vì vậy, bà Th được hưởng 40% trong khối tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất và $\frac{1}{2}$ đối với các tài sản trên đất, tương đương số tiền 19.403.000 đồng, tổng số 377.403.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện M'Drăk nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Drăk theo quy định tại khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quý H, bà Đỗ Thị Th theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố

tụng dân sự nhưng vợ chồng ông H, bà Th đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 361 và khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về nội dung:

[3.1] Bà Đỗ Thị Th là người phải thi hành án đối với quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, bà Th không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ thi hành án và người được thi hành án bà Nguyễn Thị Long H có đơn yêu cầu thi hành án. Mặc dù, Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk đã ra quyết định thi hành án Quyết định thi hành án số 170/QĐ-CCTHADS ngày 04/01/2017 và số 187/QĐ-CCTHADS ngày 16/01/2017 nhưng đến nay, bà Th vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Qua kết quả xác minh điều kiện thi hành án của Chấp hành viên tại Ủy ban nhân dân xã E và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện M thể hiện bà Đỗ Thị Th không có tài sản riêng tại địa phương. Vợ chồng bà Đỗ Thị Th và ông Lê Quý H (chồng bà Th) có đứng tên kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các tài sản, gồm: Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 112 tại thôn 18, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 217,6m² đất ở nông thôn (trên đất có 01 nhà tạm cấp 4 và các tài sản khác) và thửa đất số 28, tờ bản đồ số 61 tại thôn 16, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 41.771,5m² đất trồng rừng sản xuất (trên đất có cây keo do ông Bùi Văn M trồng). Do chưa xác định được quyền sở hữu, sử dụng tài sản của bà Đỗ Thị Th trong khối tài sản chung để thi hành án và các đương sự cũng không yêu cầu Tòa án xác định nên Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện M yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản của bà Đỗ Thị Th trong khối tài sản chung với ông Lê Quý H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ việc có cơ sở xác định:

- Đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 61, diện tích 41.771,5m² tại thôn 16, xã E, huyện M và tài sản trên đất: là tài sản vợ chồng ông H, bà Th hình thành trong thời kỳ hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kê khai nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 11/8/2013, ông H, bà Th đã thống nhất chuyển nhượng lô đất trên cho vợ chồng ông Bùi Văn M, bà Ngô Thị X. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên chưa tuân thủ về hình thức và chưa đăng ký tại cơ quan quản lý đất đai theo quy định tại Điều 167, Điều 188 Luật đất đai năm 2013 và Điều 502 của Bộ luật dân sự nhưng hợp đồng chuyển nhượng của các bên xác lập có xác nhận của Ban tự quản thôn và Ủy ban nhân dân xã E, huyện M. Mặt khác, quá trình thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình, cụ thể: Bên nhận chuyển nhượng đất (ông M) đã giao đủ số tiền cho bên chuyển nhượng (vợ chồng ông H, bà Th) và bên chuyển nhượng đã giao đất để bên nhận chuyển nhượng sử dụng ổn định từ năm 2013 cho đến nay và không

xảy ra tranh chấp. Vì vậy, đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 61, diện tích 41.771,5m², địa chỉ thửa đất tại thôn 16, xã E, huyện M và tài sản trên đất vợ chồng ông H, bà Th đã chuyển nhượng cho ông Bùi Văn M nên không có cơ sở để xác định là tài sản riêng hay tài sản chung của vợ chồng ông H, bà Th để thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

- Đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 112 tại thôn 18, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk và tài sản trên đất: ông Lê Quý H trình bày nguồn gốc của lô đất do nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị Đ vào tháng 02 năm 1992 nhưng ông H không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh ông H nhận chuyển nhượng lô đất trên trước thời điểm kết hôn với bà Th. Mặt khác, quá trình chung sống ông H, bà Th đã đi đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân xã E, huyện M xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 24/9/2013.

Tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định: *“Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ hoặc chồng tạo ra, thu nhập về nghề nghiệp và những thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được cho chung”*. Đồng thời, tại thời điểm kết hôn, ông H và bà Th cũng không có văn bản thỏa thuận về chế độ tài sản riêng nên cần xác định thửa đất số 18, tờ bản đồ số 112 và tài sản trên đất thuộc thôn 18, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk là tài sản chung của vợ chồng ông H, bà Th.

Tại Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định: *“Tài sản chung được sử dụng để bảo đảm những nhu cầu chung của gia đình. Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài sản chung...”*

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/10/2020, thửa đất số 18, tờ bản đồ số 112 có diện tích 294m² (trong đó có 74,6m² nằm trong diện tích quy hoạch giao thông Quốc lộ 19C. Kích thước, vị trí thửa đất tính từ chỉ giới giao thông trở vào như sau (có sơ đồ trích lục kèm theo): Phía Đông giáp đất ông T, bà N, kích thước 24,16m; Phía Tây giáp đất ông Đỗ Văn B, kích thước 22,8m; Phía Nam giáp Quốc lộ 19C, kích thước 8,95m; Phía Bắc giáp đất ông L, kích thước 9,6m.

Tài sản trên đất gồm: 01 nhà tạm bằng gỗ, kích thước (3,5m x 8,5m), mái lợp tôn Proximen, vách ván, nền xi măng; trước nhà gỗ có mái che lợp tôn, vách tôn, nền xi măng, kích thước (5m x 8,5m); sau nhà gỗ có 02 gian nhà tạm, vách tôn, mái tôn, gian thứ nhất nền lát gạch đất nung có kích thước (3m x 8,5m), gian thứ hai nền lát xi măng có kích thước (4m x 8,5m); 01 giếng đào.

Quá trình xác minh, đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin, hộ ông Lê Quý H gồm 04 (Bốn) nhân khẩu, gồm ông H, bà Th, các con Lê Ngọc Anh Th, sinh năm 1995 và Lê Nghĩa H, sinh năm 2003. Qua thu thập các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại bản tự khai ngày 12 và ngày 14 tháng 8 năm 2018 các con của ông H, bà Th đều trình bày không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản chung của ông H, bà Th.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để kết luận đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 112 tại thôn 18, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk và tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung của vợ chồng ông H, bà Th. Bà Đỗ Thị Th được quyền sở hữu, sử dụng là $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất và tài sản trên đất nêu trên.

[4] Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản): Người yêu cầu bà Văn Thị T – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện M phải chịu số tiền 5.000.000 đồng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 4 Điều 11 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Người yêu cầu bà Văn Thị T – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk không phải nộp lệ phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 điều 27; điểm a khoản 2 điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39; Điều 361, khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, Điều 15 luật hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 74; khoản 3 Điều 75 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự ngày 25/11/2014; khoản 4 Điều 11 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Văn Thị T – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án huyện M, tỉnh Đắk Lắk về yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án.

Bà Đỗ Thị Th được quyền sở hữu, sử dụng $\frac{1}{2}$ (50%) giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất như sau:

Thửa đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 112 có diện tích 294m² (trong đó có 74,6m² nằm trong diện tích quy hoạch giao thông Quốc lộ 19C. Kích thước, vị trí thửa đất tính từ chỉ giới giao thông trở vào như sau (có sơ đồ trích lục kèm theo): Phía Đông giáp đất ông T, bà N, kích thước 24,16m; Phía Tây giáp đất ông Đỗ Văn B, kích thước 22,8m; Phía Nam giáp Quốc lộ 19C, kích thước 8,95m; Phía Bắc giáp đất ông L, kích thước 9,6m.

Tài sản trên đất gồm: 01 (Một) nhà tạm bằng gỗ, kích thước (3,5m x 8,5m), mái lợp tôn Proximen, vách ván, nền xi măng; trước nhà gỗ có mái che lợp tôn, vách tôn, nền xi măng, kích thước (5m x 8,5m); sau nhà gỗ có 02 gian nhà tạm, vách tôn, mái tôn, gian thứ nhất nền lát gạch đất nung có kích thước (3m x 8,5m), gian thứ hai nền láng xi măng có kích thước (4m x 8,5m); 01 giếng đào.

2. Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản): Người yêu cầu bà Văn Thị T – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk phải chịu số tiền 5.000.000 đồng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Văn Thị T không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

4.1. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đương sự vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

4.2. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrăk;
- UBND xã E, huyện M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long